

Số: 880 /QĐ-UBND

Cầu Ngang, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Đề án cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng  
việc làm trên địa bàn huyện Cầu Ngang, giai đoạn 2022 – 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG**

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Trà Vinh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện tại Tờ trình số 31/TTr-PLĐTBXH ngày 04/4/2022,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn huyện Cầu Ngang, giai đoạn 2022 – 2025.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ Quyết định thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT. HU, TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như điều 2;
- BLĐVP, VX;
- Lưu: VT. *hoo*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Hùng**

**ĐỀ ÁN**  
**CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC**  
**LÀM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, GIAI ĐOẠN 2022 – 2025**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 880 /QĐ-UBND ngày 12 /4/2022  
của Ủy ban nhân dân huyện)

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN**  
**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ỦY THÁC SANG NHCSXH**

**I. NGUỒN VỐN**

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện. Cùng với nguồn vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) Trung ương chuyên về và nguồn vốn NHCSXH huy động; Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH hàng năm đã tập trung cho vay các chương trình về thực hiện chính sách an sinh xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện hàng năm.

Đến 31/12/2021 tổng nguồn vốn NHCSXH đầu tư trên địa bàn huyện Cầu Ngang đạt 448 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ủy thác từ ngân sách huyện chuyển sang NHCSXH đạt 5,5 tỷ đồng.

Tuy nhiên, nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay chưa đáp ứng đủ nhu cầu vay vốn của người lao động, người thiếu việc làm, người lao động nhân rồi, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, dự báo trong thời gian tới sẽ có rất nhiều lao động ở các tỉnh, thành phố sẽ trở về địa phương sinh sống do thiếu việc làm...

**II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN**

- Trong giai đoạn 2016-2020 bằng nguồn vốn cân đối từ Trung ương và nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương, huyện đã cho vay 31.188 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với doanh số cho vay trên 583 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2021, huyện thực hiện cho vay 17 chương trình tín dụng chính sách, tổng dư nợ đạt trên 450 tỷ đồng, với 15.331 khách hàng còn dư nợ. Trong đó nguồn vốn nhận ủy thác địa bàn huyện là 5,5 tỷ đồng, với 275 khách hàng còn dư nợ gồm chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở và chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.



- Chất lượng tín dụng:
- + Tỷ lệ thu hồi nợ đạt 97% trên tổng số nợ đến hạn.
- + Không có nợ quá hạn nguồn vốn ngân sách chuyển sang.
- Tỷ lệ thu lãi hàng năm đạt trên 98%.

### **III. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI**

Trong giai đoạn năm 2016-2020, huyện đã giải ngân cho hơn 31.188 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, giúp cho 5.050 hộ thoát nghèo; thu hút và tạo việc làm cho 1.661 lao động có việc làm và thu nhập ổn định, trong đó 236 lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài; hỗ trợ cho 3.797 hộ gia đình tại các xã vùng khó khăn được vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh; 07 lao động từ nguồn vốn tái hòa nhập cộng đồng; giúp cho 594 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn để trang trải chi phí học tập; đầu tư xây dựng trên 7.827 công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường và 1.056 ngôi nhà cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Bên cạnh đó còn giúp cho các đối tượng xây dựng nhà ở xã hội được 06 căn nhà. Trong đó nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Phòng giao dịch NHCSXH huyện cho vay 363 công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường; 25 hộ xây dựng nhà ở theo QĐ 33..., nguồn vốn tín dụng chính sách đã được truyền tải đầy đủ, kịp thời đến các đối tượng thụ hưởng ở tất cả các ấp, khóm trên địa bàn huyện; hiệu quả đồng vốn chính sách được phát huy tốt, có tác động lớn trên các mặt như sau:

#### **1. Hiệu quả về mặt kinh tế**

- Việc triển khai nguồn vốn tín dụng thông qua hệ thống NHCSXH, trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Từ việc sử dụng nguồn tín dụng chính sách nhiều hộ dân đã có sự chuyển biến về nhận thức, cách thức trong phát triển sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản; nhiều hộ đã biết áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Vai trò của tín dụng chính sách góp phần cải thiện đời sống của người nghèo, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hoàn thành xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Đời sống của nhân dân ngày một khá lên, từ nguồn vốn chính sách giúp cho cấp ủy, chính quyền xây dựng và định hướng chiến lược phát triển kinh tế mũi nhọn của địa phương góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Chất lượng tín dụng được cải thiện và ngày càng được nâng lên, đồng vốn được bảo tồn và phát huy hiệu quả tốt, tỷ lệ thu hồi vốn bình quân hàng năm đạt trên 97%, tỷ lệ thu lãi hàng năm đạt trên 98%.

## **2. Về văn hóa - xã hội**

- Chính sách tín dụng ưu đãi mang ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước góp phần tạo sự bình đẳng trong xã hội, góp phần làm tăng lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và sự nghiệp đổi mới của đất nước, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Nguồn vốn tín dụng chính sách như một ngọn nến thắp sáng niềm tin cho người nghèo vượt qua khó khăn vươn lên thoát khỏi cảnh đói nghèo; làm giàu vững chắc; là chỗ dựa vững chắc tiếp sức cho học sinh, sinh viên nghèo có điều kiện ăn học và trưởng thành xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn.

- Ngoài ra nguồn vốn tín dụng chính sách đã giúp hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội thêm vững mạnh, số lượng Hội viên ngày một đông hơn. Từ việc sinh hoạt Tổ Tiết kiệm và vay vốn theo định kỳ giúp các hội viên có điều kiện chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, đầu tư sản xuất nhằm tăng thu nhập cho gia đình và xã hội, tạo quỹ cho các tổ chức Hội hoạt động và phát triển.

## **PHẦN THỨ HAI SỰ CẦN THIẾT VÀ NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **I. SỰ CẦN THIẾT**

Huyện Cầu Ngang nằm về phía Đông Nam tỉnh Trà Vinh và nằm bên bờ sông Cổ Chiên và cửa Cung Hầu.

- + Phía Đông giáp huyện Châu Thành và tỉnh Bến Tre;
- + Phía Nam giáp huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải;
- + Phía Tây giáp huyện Châu Thành và huyện Trà Cú;
- + Phía Bắc giáp huyện Châu Thành.

Toàn huyện hiện có 15 đơn vị hành chính, gồm 13 xã và 2 thị trấn: thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Mỹ Long, xã Kim Hòa, xã Hiệp Hòa, xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc, xã Mỹ Long Nam, xã Mỹ Hòa, xã Thuận Hòa, xã Nhị Trường, xã Trường Thọ, xã Long Sơn, xã Hiệp Mỹ Đông, xã Hiệp Mỹ Tây và xã Thạnh Hòa Sơn. Trung tâm hành chính huyện đặt tại thị trấn Cầu Ngang, nằm cách Trung tâm hành chính tỉnh Trà Vinh 23 km theo quốc lộ 53 về phía Tây Bắc.

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện: 31.885,97 ha, chiếm 14,39% diện tích toàn tỉnh (221.515 ha); phần lớn đất đai của huyện là đất nông nghiệp, với 27.569,55 ha chiếm 86,463% diện tích tự nhiên của huyện, đất phi nông nghiệp có 4.303,63 ha, chiếm 13,5% diện tích đất tự nhiên của huyện, hiện còn 11,79 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,03% diện tích đất tự nhiên của huyện.

Nguồn lao động: số người hoạt động trong nền kinh tế quốc dân là 79.405 người, trong đó số người trong độ tuổi lao động là 75.774 người, chiếm 55,62% số dân, trong đó có việc làm 72.885 người, tỷ lệ thất nghiệp tương đối thấp, còn khoảng 3,83%; tỷ lệ lao động tại khu vực thành thị là 62,8%, nông thôn là 85,5%.

Trong những năm qua, huyện luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đây chính là nhân tố cơ bản, quyết định tạo thêm nhiều việc làm mới. Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp được đẩy mạnh đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm cho người lao động. Tuy nhiên vấn đề lao động, việc làm của huyện vẫn còn nhiều yếu tố khó khăn, thách thức. Lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn; một bộ phận lớn lao động có việc làm còn chưa ổn định, thu nhập thấp; bỏ địa phương đi làm ăn xa; lao động chưa qua đào tạo nghề còn nhiều; chất lượng nguồn lao động chưa đáp ứng được yêu cầu; cơ cấu đào tạo nghề chưa hợp lý; cơ sở dữ liệu về lao động việc làm bước đầu được xây dựng nhưng chưa đầy đủ, chưa đồng bộ; hiệu quả tạo việc làm chưa cao từ hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm do suất đầu tư/lao động còn thấp, vốn cho vay giải quyết việc làm hàng năm còn ít, đáp ứng khoảng 30 - 35% so với nhu cầu vay vốn của người lao động, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, dự báo trong thời gian tới sẽ có rất nhiều lao động ở các tỉnh, thành phố sẽ trở về địa phương sinh sống có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm.... Chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm sẽ phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân. Do đó, việc ban hành Đề án cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn huyện Cầu Ngang, giai đoạn 2022-2025 là rất cần thiết.

## II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

*Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Quyết định 401/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị 40-CT/TW;*

*Công văn 726-CV/TU ngày 04/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội theo tinh thần Chỉ thị 40-CT/TW;*

*Kết luận 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Công văn số 174-CV/TU ngày 12/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư;*

*Công văn số 260-CV/HU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Huyện*



huyện Cầu Ngang về việc thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư, Công văn số 174-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Thông tư 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Thông tư số 54/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm;

Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mức trích tỷ lệ % số tiền lãi thu được từ Quỹ quốc gia về việc làm;

Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh sinh viên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021-2025;

Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ kết quả rà soát nhu cầu hỗ trợ vốn vay tín dụng chính sách do Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổng hợp trên địa bàn huyện Cầu Ngang giai đoạn 2022 – 2025;

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện phối hợp với Phòng giao dịch NHCSXH huyện và các ngành huyện có liên quan xây dựng Đề án cho

vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn huyện, giai đoạn 2022 - 2025.

### III. THỰC TRẠNG VỀ VIỆC LÀM

- Đề án cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đã bám sát vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, mặc dù nguồn vốn chưa đáp ứng đầy đủ mục tiêu nhưng đã mang lại hiệu quả thiết thực. Hạn mức cho vay bình quân hàng năm đều tăng lên. Những món vay nhỏ lẻ, kém hiệu quả không còn, nhu cầu của người dân được đáp ứng tốt hơn, hiệu quả sử dụng vốn cao hơn, nợ xấu giảm đi. Phát huy được tiềm năng sẵn có về tài nguyên, lao động, kinh nghiệm sản xuất, đặc biệt sẽ giải quyết được việc làm cho lao động ở các tỉnh, thành phố lớn trở về địa phương sinh sống do thiếu việc làm bởi đại dịch Covid-19.

- Cho vay vốn theo Đề án hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm góp phần đáng kể vào việc hỗ trợ việc làm, tăng thu nhập, tăng tỷ lệ sử dụng quỹ thời gian lao động, nhất là thời gian lao động nhàn rỗi, góp phần trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Nguồn vốn vay giải quyết việc làm chủ yếu cho vay theo ủy thác qua các Hội đoàn thể và nhóm hộ gia đình tại các xã, thị trấn. Lĩnh vực cho vay chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán nhỏ, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp,... góp phần tăng năng suất, mở rộng sản xuất..., giảm tỷ lệ người thiếu việc làm và không có việc làm trên địa bàn. Tăng thu nhập cho các hộ vay vốn, góp phần nâng cao đời sống người lao động, gắn việc làm với công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh có hiệu quả và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

## PHẦN THỨ BA NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

- Định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động cho phù hợp để giải quyết tốt việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện. Mục tiêu chung là đảm bảo cho người lao động trong độ tuổi, có khả năng lao động, sẵn sàng làm việc đều có cơ hội tìm được việc làm có thu nhập ổn định, cải thiện đời sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển nền kinh tế - xã hội; hỗ trợ phát triển mô hình kinh tế hợp tác, Hợp tác xã và phát triển khôi phục làng nghề truyền thống của huyện.

- Cho vay giải quyết việc làm tập trung vào các hộ gia đình nhằm nâng cao số lao động được giải quyết và chất lượng việc làm của người lao động. Tăng mức cho vay bình quân khoảng 40 - 50 triệu đồng để giải quyết việc làm cho 01 lao động. Đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống của người nghèo và các đối tượng chính sách khác nhằm góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

- Tạo việc làm mới và tăng thêm việc làm cho người lao động; trợ giúp người thất nghiệp, người thiếu việc làm tự tạo việc làm, qua đó từng bước nâng cao điều kiện sống của những hộ có thu nhập thấp; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã có đông đồng bào dân tộc; góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa người nghèo và cộng đồng dân cư. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, thúc đẩy nhanh kết quả hoàn thành các tiêu chí của xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh, góp phần giảm nghèo bền vững, ổn định đời sống, giúp người dân trở lại cuộc sống bình thường sau đại dịch Covid-19.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Góp phần tạo việc làm cho khoảng 2.500 lao động trong giai đoạn 2022 - 2025, trong đó tạo việc làm mới cho khoảng 1.500 lao động.

- Trong 1.500 lao động được tạo việc làm mới có khoảng 300 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và 1.200 lao động được giải quyết tạo việc làm thông qua nguồn vốn cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nhàn rỗi ở mức trên 90%. Ngăn ngừa, giảm thiểu tối đa tình trạng thiếu việc làm, lao động thất nghiệp trên địa bàn huyện.

## **II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Phạm vi của Đề án**

Đề án được triển khai trên phạm vi địa bàn huyện Cầu Ngang (thời gian thực hiện từ năm 2022 đến năm 2025).

### **2. Đối tượng được thụ hưởng của Đề án**

a) Người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định của Luật việc làm và quy định của Chính phủ.

b) Người lao động mất việc làm do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm.

## **III. CƠ CHẾ CHO VAY, MỨC CHO VAY, THỜI HẠN CHO VAY, LÃI SUẤT CHO VAY, PHƯƠNG THỨC CHO VAY, ĐỊNH KỲ HẠN TRẢ NỢ, XỬ LÝ NỢ BỊ RỦI RO**

Thực hiện theo các nội dung được quy định trong Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

**1. Cơ chế cho vay:** Cho vay các đối tượng có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.



2. Mức cho vay: Áp dụng theo mức do Thủ tướng Chính phủ quy định. Mức cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn (*hiện nay đối với người lao động, mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng/lao động*).

3. Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

4. Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo (*hiện nay, lãi suất cho vay hộ cận nghèo là 0,66%/tháng, 7,92%/năm*). Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

5. Phương thức cho vay, quy trình thủ tục cho vay, định kỳ trả nợ, xử lý rủi ro... thực hiện theo các văn bản hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

#### **IV. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN LÃI CHO VAY**

Thực hiện Thông tư số 54/20216/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mức trích tỷ lệ % số tiền lãi thu được từ Quỹ quốc gia về việc làm và thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021-2025.

#### **V. NGUỒN VỐN VÀ KẾ HOẠCH CHO VAY CỦA ĐỀ ÁN**

##### **1. Nguồn vốn thực hiện Đề án**

Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện Đề án trong 04 năm, giai đoạn 2022 - 2025 khoảng 100 tỷ đồng (bao gồm nguồn vốn Trung ương và nguồn vốn địa phương). Trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương phân bổ: 40 tỷ đồng, tỷ lệ 40% (bình quân mỗi năm phân bổ 10 tỷ đồng).

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ: 52 tỷ, chiếm 52% (bình quân mỗi năm phân bổ 13 tỷ đồng).

- Nguồn vốn ngân sách huyện dự kiến phân bổ: 08 tỷ đồng, tỷ lệ 8%, (bình quân mỗi năm phân bổ 02 tỷ đồng). Tùy theo điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương hỗ trợ.

Tổng số lao động được vay vốn tạo việc làm đoạn 2022 – 2025 là 2.500 lao động (bình quân mỗi năm có 625 lao động được vay vốn tạo việc làm).

**Kế hoạch cho vay từ nguồn vốn Trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2022-2025 cụ thể:**

*Đơn vị: số lao động, triệu đồng.*

Nguồn vốn	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng số giai đoạn 2022-2025	
	Số lao động vay vốn	Số tiền	Số lao động vay vốn	Số tiền	Số lao động vay vốn	Số tiền	Số lao động vay vốn	Số tiền	Số lao động vay vốn tạo việc làm	Số tiền
1. Trung ương phân bổ	300	12.000	200	8.000	250	10.000	250	10.000	1.000	40.000
2. Ngân sách tỉnh phân bổ	450	18.000	450	18.000	200	8.000	200	8.000	1.300	52.000
3. Ngân sách huyện phân bổ	50	2.000	50	2.000	50	2.000	50	2.000	200	8.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>800</b>	<b>32.000</b>	<b>700</b>	<b>28.000</b>	<b>500</b>	<b>20.000</b>	<b>500</b>	<b>20.000</b>	<b>2.500</b>	<b>100.000</b>

## 2. Kế hoạch cho vay

Hiện nay người lao động có nhu cầu vay vốn để giải quyết việc làm trên địa bàn huyện còn rất nhiều. Đề án tổng hợp trên cơ sở nhu cầu nguồn vốn cho vay từ các xã, thị trấn để cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Hàng năm, nguồn vốn Trung ương bố trí phân bổ cho tỉnh còn rất hạn chế, đáp ứng được khoảng 30-35% trong tổng số hộ có nhu cầu vay vốn trên địa bàn, vì vậy nguồn vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện tập trung cho vay nhằm giải quyết tạo việc làm đối với người lao động tại địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nông thôn mới; xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn. Đặc biệt sẽ giải quyết được việc làm cho lao động ở các tỉnh, thành phố trở về địa phương sinh sống do thiếu việc làm bởi đại dịch Covid-19.

## VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỀ ÁN

### 1. Về mặt kinh tế

- Tạo việc làm mới và tăng thêm việc làm cho người lao động; hỗ trợ người lao động, người thất nghiệp, người thiếu việc làm tự tạo việc làm tại địa phương, qua đó từng bước nâng cao điều kiện sống của những hộ có thu nhập thấp; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã, thị trấn, đặc biệt là tại các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc; góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, giữa người nghèo và cộng đồng dân cư. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, thúc đẩy nhanh kết quả hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, xây dựng đô thị văn minh; góp phần giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm trên địa bàn huyện.

- Quy trình, thủ tục cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục để tạo điều kiện cho người lao động được tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho Nhà nước. Nguồn vốn tín dụng ưu đãi bố



trí kịp thời, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động, người thiếu vốn, đặc biệt là các lao động bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19, đáp ứng nhu cầu vay vốn phục vụ phát triển sản xuất, chăn nuôi, đầu tư các ngành nghề thế mạnh của địa phương.

- Thông qua việc vay vốn tín dụng ưu đãi và đưa vốn vào sản xuất kinh doanh, người vay vốn được làm quen với sản xuất hàng hóa; có điều kiện tiếp cận và áp dụng khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi tiên tiến; nâng cao năng lực sử dụng vốn, từ đó trình độ quản lý kinh tế của người vay được nâng lên. Góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững, phát triển lưu thông hàng hóa.

## **2. Về mặt xã hội**

- Nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ cho những đối tượng yếu thế, các lao động bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19, khắc phục tình trạng thiếu việc làm, ngăn chặn, hạn chế tác động tiêu cực của tín dụng đến đời sống nhân dân tại vùng nông thôn; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, ổn định trật tự, an toàn xã hội, củng cố khối đoàn kết toàn dân, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

- Góp phần làm thay đổi diện mạo, cuộc sống ở khu dân cư, an ninh, trật tự an toàn xã hội phát triển tốt hơn, hạn chế được những mặt tiêu cực. Tạo ra bộ mặt mới trong đời sống kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao trình độ dân trí, giúp người vay nâng cao hiểu biết và đưa khoa học kỹ thuật đến với hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

- Thông qua hoạt động tín dụng chính sách góp phần hình thành các mối quan hệ mới trong cộng đồng người nghèo và các đối tượng chính sách khác trong Tổ Tiết kiệm và vay vốn cùng nhau hợp tác vay vốn, giúp đỡ nhau trong sản xuất, kinh doanh và trong cuộc sống, cùng có trách nhiệm liên đới trong việc vay vốn, hỗ trợ nhau trong sản xuất kinh doanh, hoàn trả nợ vay... tạo điều kiện để xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh, ổn định trật tự, là cơ sở để từng bước tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội góp phần gắn kết cộng đồng dân cư thông qua hoạt động của các Tổ Tiết kiệm và vay vốn, giúp chính quyền cơ sở hoạch định, định hướng phát triển kinh tế cho địa phương.

- Hoạt động ủy thác thông qua các tổ chức chính trị - xã hội và các Tổ Tiết kiệm và vay vốn đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, góp phần nâng cao hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội càng thêm phong phú, số lượng hội viên tham gia sinh hoạt ngày càng đông. Xây dựng tình đoàn kết, trách nhiệm, gắn bó trong cộng đồng dân cư, phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần giúp các tổ chức chính trị - xã hội gắn bó, gần gũi hơn với nhân dân, hội viên của Hội.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện**

- Phối hợp lập dự toán và quản lý nguồn vốn ủy thác bổ sung hàng năm để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng,... liên quan đến hoạt động cho vay từ Đề án này được ủy thác qua NHCSXH.

- Hàng năm, giúp UBND huyện tuyên truyền, phổ biến, triển khai Đề án, chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn; xây dựng kế hoạch, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo UBND huyện theo định kỳ 06 tháng vào **ngày 15/6** và cả năm vào **ngày 15/12** hàng năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu các chính sách và các chương trình, giải pháp liên quan đến công tác giải quyết việc làm cho người lao động để lồng ghép thực hiện Đề án.

- Phối hợp với NHCSXH trong việc triển khai cho vay, kiểm tra và tuyên truyền hộ vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, trả lãi, gốc đúng nội dung trong hợp đồng tín dụng.

### **2. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện**

- Hướng dẫn, quản lý, kiểm tra việc sử dụng kinh phí cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương; phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện huy động, lập dự toán hàng năm bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH, báo cáo UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét quyết định theo tình hình thực tế địa phương và khả năng huy động kinh phí.

- Ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh để triển khai sử dụng nguồn vốn thực hiện Đề án.

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, các ngành có liên quan đề xuất chính sách, giải pháp; tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động, việc làm.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát các nguồn vốn thuộc các chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, tham mưu UBND huyện trong việc phân bổ các nguồn vốn mục tiêu gắn với việc thực hiện Đề án. *(theo Công văn số 260-CV/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Trà Vinh về việc thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư, Công văn số 174-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).*

- Tổ chức kiểm tra, quyết toán việc sử dụng nguồn vốn, phí quản lý và đề xuất xử lý rủi ro đúng quy định.

### **3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Đồng thời, quan tâm công tác huy động các nguồn lực để thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn huyện.

#### **4. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác các cấp**

- Tuyên truyền cho hội viên về các chính sách và hoạt động của Đề án; hướng dẫn hội viên xây dựng dự án vay vốn; tín chấp vay vốn để giải quyết việc làm; vận động các thành viên tự tạo việc làm và tạo việc làm cho người khác.

- Chỉ đạo các cấp Hội thực hiện ủy thác cho vay có hiệu quả; tạo và huy động nguồn vốn cho vay bổ sung để tạo việc làm.

- Phối hợp với NHCSXH trong việc cho vay, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ, tuyên truyền vận động các hộ vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả góp phần thực hiện chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn, đô thị văn minh mới của địa phương.

#### **5. Phòng giao dịch NHCSXH huyện**

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, các Hội đoàn thể nhận ủy thác các cấp thực hiện cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích phù hợp nhu cầu vay của nhân dân; sử dụng các nguồn vốn cho vay có hiệu quả.

- Căn cứ kết quả cho vay, thu nợ từ nguồn vốn của Đề án này, tổ chức thực hiện Đề án được giao quản lý để cấp phí chi trả theo quy định.

- Thẩm định và tham mưu cho UBND huyện phê duyệt cho vay và giải ngân các dự án cho vay để giải quyết việc làm kịp thời; không để tồn đọng vốn.

- Triển khai cho vay đúng mục đích, đúng đối tượng, thu hồi nợ, kiểm tra, lập hồ sơ xử lý rủi ro đúng theo quy định. Ghi chép, theo dõi hạch toán theo đúng quy định của pháp luật về cho vay từ nguồn vốn nhận ủy thác theo Đề án này.

- Định kỳ hàng quý, trước ngày 10 của tháng đầu tiên, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện báo cáo phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo mẫu số 01, 02, 07, 08 Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đồng thời báo cáo tình hình kết quả thực hiện Đề án về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch, các ban, ngành có liên quan việc sử dụng nguồn vốn cho vay, sử dụng và phân phối lãi thu được từ việc cho vay đúng theo quy định.

#### **6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

- Chịu trách nhiệm xác nhận về đối tượng vay vốn.

- Phối hợp với NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn

vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đúng theo quy định.

- Có ý kiến về đề nghị của người vay đối với trường hợp xử lý nợ rủi ro; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, cơ quan cấp trên trong việc phúc tra, xác định hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

7. Các phòng, ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có Kế hoạch và thường xuyên nắm sát tình hình về việc làm, các lao động bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19, tình hình thất nghiệp trên địa bàn để có giải pháp kịp thời hỗ trợ cho vay tạo việc làm mới; có Kế hoạch triển khai cụ thể Đề án này trong Kế hoạch công tác của đơn vị. Định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện gửi về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện). Thời gian gửi báo cáo: Báo cáo 06 tháng đầu năm vào **ngày 10/6**; báo cáo năm vào ngày **10/12** hàng năm. Trong quá trình thực hiện Đề án nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các phòng, ban ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn kịp thời phản ánh về Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, điều chỉnh Đề án cho phù hợp tình hình thực tế./.

